

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC

Số: 17/2004/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 1 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá
và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/06/2003;

Căn cứ Hiệp định thương mại giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia ký ngày 24/3/1998;

Căn cứ Hiệp định mua bán trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại Khu vực biên giới giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia ký ngày 26/11/2001;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 6179/VPCP-KTTH ngày 6/11/2002 của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

THANH TOÁN TRONG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HOÁ

VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TẠI KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/2004/QĐ-NHNN

ngày 05 tháng 01 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia tại khu vực biên giới Việt Nam-Campuchia.

2. Hoạt động thanh toán đối với các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia không thực hiện tại khu vực biên giới được áp dụng các hình thức thanh toán qua Ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi theo thông lệ quốc tế và không chịu sự điều chỉnh của quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thương nhân Việt Nam, gồm:
 - a. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b. Các hộ cá thể được phép kinh doanh xuất nhập khẩu theo quy định của pháp luật;
 - c. Cư dân biên giới;
2. Các Ngân hàng thương mại Việt Nam;
3. Thương nhân Campuchia (bao gồm tổ chức và cá nhân) có quan hệ mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới với thương nhân Việt Nam.

Điều 3. Các hình thức thanh toán

Hoạt động thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân hai nước tại khu vực biên giới được thực hiện theo các hình thức sau:

- a. Thanh toán thông qua các Ngân hàng được phép của hai nước bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, theo thông lệ quốc tế (bao gồm các Ngân hàng đặt trụ sở ở trong hoặc ngoài tỉnh có biên giới giáp Campuchia);
- b. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc Đồng Việt Nam (VND) thông qua tài khoản của thương nhân Campuchia mở tại các Ngân hàng được phép ở Việt Nam (tài khoản ngoại tệ và tài khoản VND của người không cư trú tại Việt Nam);
- c. Thanh toán bằng VND và Riel Campuchia (KHR) thông qua tài khoản tại các Ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối tại tỉnh biên giới của Việt Nam và Ngân hàng thương mại Campuchia theo sự thoả thuận về quan hệ đại lý thanh toán giữa hai Ngân hàng này;
- d. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt;
- e. Thanh toán bằng VND và KHR tiền mặt;
- g. Thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng.

Điều 4. Đồng tiền thanh toán

Đồng tiền thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân hai nước là ngoại tệ tự do chuyển đổi (Đô la Mỹ, Euro, Bảng Anh và Yên Nhật), VND và KHR. Thương nhân hai nước được lựa chọn đồng tiền thanh toán phù hợp với các quy định trong Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi qua Ngân hàng theo thông lệ quốc tế

Khi sử dụng ngoại tệ tự do chuyển đổi làm đồng tiền thanh toán trong quan hệ mua bán trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại, thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia được lựa chọn các Ngân hàng có trụ sở ở trong hoặc ngoài tỉnh biên giới thực hiện thanh toán theo thông lệ quốc tế phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối của mỗi nước.

Điều 6. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản của người không cư trú Campuchia mở tại các Ngân hàng ở Việt Nam

Thương nhân Campuchia được mở tài khoản ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc tài khoản VND tại các Ngân hàng được phép ở Việt Nam để thực hiện thanh toán các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại Khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia. Việc mở, sử dụng tài khoản ngoại tệ và tài khoản VND của thương nhân Campuchia tại các Ngân hàng được phép của Việt Nam thực hiện theo quy định về quản lý ngoại hối đối với tài khoản của người không cư trú.

Điều 7. Thanh toán bằng VND và KHR qua Ngân hàng được phép của hai nước tại Khu vực biên giới

1. Việc sử dụng VND và KHR trong thanh toán mua bán trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia được thực hiện theo các quy định sau đây:

a. Ngân hàng được phép của Việt Nam tại tỉnh biên giới được phép thoả thuận với Ngân hàng của Campuchia về việc mở tài khoản VND hoặc tài khoản KHR cho nhau để phục vụ thanh toán cho thương nhân hai nước.

b. Ngân hàng được phép của hai bên có thể thoả thuận về số dư tối đa bằng VND hoặc KHR được duy trì trên tài khoản thanh toán của bên này mở tại Ngân hàng phía bên kia. Trường hợp số dư trên tài khoản vượt quá số dư tối đa theo thoả thuận thì các Ngân hàng của hai bên có thể thoả thuận chuyển đổi thành ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc tiền của mỗi bên để chuyển về nước.

c. Ngân hàng được phép của hai bên căn cứ vào khả năng của Ngân hàng và điều kiện cụ thể của từng khu vực để thoả thuận áp dụng các hình thức thanh toán phù hợp, đáp ứng các nhu cầu giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân của hai nước.

d. Tỷ giá giữa VND và KHR do Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Ngân hàng được phép (hoặc người được uỷ quyền) quyết định (trên cơ sở tham khảo tỷ giá thị trường và tỷ giá tính chéo qua đồng đô la Mỹ hoặc theo sự thoả thuận giữa Ngân hàng của hai nước có quan hệ đại lý thanh toán).

e. Các Ngân hàng được phép thực hiện thanh toán mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa hai nước bằng VND và KHR được xuất, nhập khẩu VND và KHR tiền mặt để phục vụ hoạt động kinh doanh, không phải xin phép Ngân hàng Nhà nước nhưng phải làm thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu khi xuất, nhập khẩu tiền mặt.

2. Việc kiểm tra hồ sơ chứng từ thanh toán theo thoả thuận giữa Ngân hàng hai bên phù hợp với quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Điều 8. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt

1. Việc sử dụng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt để thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia chỉ được áp dụng trong trường hợp thương nhân của hai bên không thể thanh toán qua Ngân hàng và chỉ được áp dụng cho thương nhân Việt Nam được nhận thanh toán bằng ngoại tệ tiền mặt thông qua việc bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ cho thương nhân Campuchia, không áp dụng cho thương nhân Việt Nam được dùng ngoại tệ tiền mặt thanh toán cho hàng hoá nhập khẩu và cung ứng dịch vụ từ phía Campuchia.

Khi có nhu cầu thu ngoại tệ tiền mặt, thương nhân Việt Nam phải làm thủ tục xin phép Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt trụ sở. Hồ sơ xin phép gồm:

Đơn xin phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia (theo mẫu tại Phụ lục 1);

Bản sao có công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu (đối với doanh nghiệp xin cấp giấy phép lần đầu);

Bản sao văn bản chấp nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp hàng hoá tạm ngừng xuất khẩu và hàng hoá xuất khẩu có điều kiện;

Bản sao hợp đồng thương mại đã ký với thương nhân Campuchia có thoả thuận phương thức thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt (có xác nhận của Thủ trưởng doanh nghiệp).

Sau khi nhận đầy đủ bộ hồ sơ của thương nhân Việt Nam xin được thu ngoại tệ tiền mặt, Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) xem xét và giải quyết. Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) được quyền ký giấy phép cho thu các khoản tiền dưới mức 500 000 USD (năm trăm nghìn đô la Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương cho mỗi một hợp đồng. Đối với các hợp đồng có giá trị từ 500 000 USD trở lên, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) có ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ đến Vụ Quản lý ngoại hối - Ngân hàng Nhà nước xem xét giải quyết.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) hoặc Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối- Ngân hàng Nhà nước cấp theo thẩm quyền hoặc không cấp giấy phép cho doanh nghiệp được thu ngoại tệ tiền mặt (theo mẫu giấy phép tại Phụ lục 2). Trường hợp từ chối cấp giấy phép, phải có văn bản giải thích lý do.

Thương nhân Việt Nam phải nộp số ngoại tệ tiền mặt thu được vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ của mình tại Ngân hàng được phép trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày ngoại tệ tiền mặt được mang về nước theo xác nhận của Hải quan cửa khẩu.

Khi nộp ngoại tệ tiền mặt vào tài khoản, ngoài giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt được cấp, thương nhân Việt Nam phải nộp cho Ngân hàng thương mại các giấy tờ sau:

Bản chính tờ khai hải quan (có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số ngoại tệ mang từ nước ngoài vào);

Bản sao tờ khai hàng hoá xuất khẩu (nộp sau khi xuất hàng).

2. Thương nhân Việt Nam nhận thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại với thương nhân Campuchia tại Khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia phải tự chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn và chịu mọi rủi ro trong quá trình thanh toán.

Điều 9. Thanh toán bằng VND và KHR tiền mặt

Thương nhân hai nước có các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới được thực hiện thanh toán bằng VND tiền mặt hoặc KHR tiền mặt trong những trường hợp sau:

1. Đối với thương nhân Việt Nam xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ từ Việt Nam sang Campuchia:

a. Nhận thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt trên lãnh thổ Campuchia: Người đại diện cho thương nhân Việt Nam bán hàng cho thương nhân Campuchia có mang VND hoặc KHR tiền mặt khi nhập cảnh vào Việt Nam phải làm thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu số VND hoặc KHR tiền mặt mang theo, xuất trình cho Hải quan cửa khẩu Hợp đồng mua bán hàng hoá và tờ khai hàng hoá xuất khẩu để Hải quan cửa khẩu đối chiếu kiểm tra.

b. Nhận thanh toán bằng VND hoặc KHR bằng tiền mặt trên lãnh thổ Việt Nam: Thương nhân Campuchia được sử dụng VND hoặc KHR tiền mặt từ các nguồn sau đây để thanh toán mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại với thương nhân Việt Nam:

VND tiền mặt rút từ tài khoản VND mở tại Ngân hàng được phép ở Việt Nam hoặc VND có được từ nguồn thu nhập hợp pháp tại Việt Nam;

VND mang từ Campuchia vào có xác nhận của Hải quan cửa khẩu trên tờ khai Hải quan khi nhập cảnh;

KHR tiền mặt mang từ Campuchia vào có xác nhận của Hải quan cửa khẩu hoặc từ các nguồn thu nhập hợp pháp tại Việt Nam.

2. Đối với thương nhân Việt Nam nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ từ Campuchia vào Việt Nam:

a. Thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt trên lãnh thổ Campuchia: Thương nhân Việt Nam được sử dụng nguồn thu VND, KHR tiền mặt từ việc bán hàng hoá hay cung cấp dịch vụ cho phía Campuchia trên lãnh thổ Campuchia hoặc được mang tiền mặt VND, KHR từ Việt Nam sang Campuchia để thực hiện thanh toán cho thương nhân Campuchia. Khi mang VND hoặc KHR tiền mặt sang Campuchia, thương nhân Việt Nam phải làm thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu số VND hoặc KHR tiền mặt mang theo, xuất trình cho Hải quan cửa khẩu Hợp đồng mua bán hàng hoá và tờ khai hàng hoá nhập khẩu để Hải quan cửa khẩu đối chiếu kiểm tra mà không phải xuất trình giấy phép mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt ra nước ngoài do ngân hàng cấp. Số tiền VND hoặc KHR tiền mặt phải phù hợp với số tiền thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hoá đã ký.

b. Thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt trên lãnh thổ Việt Nam:

Thương nhân Campuchia được nhận thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ cho thương nhân Việt Nam. Thương nhân Campuchia mang VND hoặc KHR tiền mặt từ Việt Nam sang Campuchia khi xuất cảnh phải làm thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu số VND hoặc KHR tiền mặt mang theo, xuất trình cho Hải quan cửa khẩu Hợp đồng mua bán hàng hoá và tờ khai hàng hoá nhập khẩu để Hải quan cửa khẩu đối chiếu kiểm tra mà không phải xuất trình giấy phép mang ngoại tệ tiền mặt, VND tiền mặt ra nước ngoài do ngân hàng cấp. Số tiền VND hoặc KHR tiền mặt phải phù hợp với số tiền thanh toán trong hợp đồng đã ký kết giữa thương nhân của hai nước.

Thương nhân Việt Nam và Campuchia thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại Khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia phải làm đầy đủ thủ tục Hải quan về khai báo xuất nhập khẩu tiền mặt và tự chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn trong vận chuyển và chịu mọi rủi ro trong quá trình thanh toán.

Điều 10. Thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng

Thương nhân Việt Nam có các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại với thương nhân Campuchia được thoả thuận thanh toán dưới hình thức hàng đổi hàng theo các quy định sau:

1. Hàng hoá mua bán, trao đổi phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật mỗi nước về quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
2. Đồng tiền sử dụng để tính toán hoặc thanh toán chênh lệch trong giao dịch hàng đổi hàng là ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND hoặc KHR.
3. Phần chênh lệch trong giao dịch hàng đổi hàng được thanh toán theo các phương thức nêu trên. Chứng từ thanh toán phần chênh lệch áp dụng như đối với thanh toán xuất khẩu, nhập khẩu, phù hợp với từng hình thức thanh toán.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới quán triệt nội dung Quy chế này, xin ý kiến chỉ đạo của cấp Ủy và chính quyền địa phương, tổ chức và triển khai thực hiện thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn; thực hiện phối hợp cùng các cơ quan hữu quan như thương mại, tài chính, hải quan, công an, biên phòng... tổ chức triển khai tốt hoạt động thanh toán hàng hoá xuất nhập khẩu và dịch vụ thương mại tại Khu vực biên giới.